|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Biểu 10/KHCN-NLAT**  Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018  Ngày nhận báo cáo: | | **NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN** (Có đến ngày 31/12 năm 2024) | | | | **- Đơn vị báo cáo:**  ………………………………………  ……………………………………....  **- Đơn vị nhận báo cáo:**  Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk | | | | |
|  | | | | Mã số | Đơn vị tính | Tổng cộng | | Chia theo loại hình kinh tế | | |
| Nhà nước | Ngoài nhà nước | Có vốn đầu tư nước ngoài |
| A | | | | B | C | 1 | | 2 | 3 | 4 |
| **1. Số người hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử** | | | | 01 | *Người* |  | |  |  |  |
| ***1.1. Trong đó: Nữ*** | | | | 02 | *Người* |  | |  |  |  |
| ***1.2. Chia theo lĩnh vực KH&CN*** | | | |  |  |  | |  |  |  |
| - Khoa học tự nhiên | | | | 03 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khoa học kỹ thuật và công nghệ | | | | 04 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khoa học nông nghiệp | | | | 05 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khoa học xã hội | | | | 06 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khoa học y, dược | | | | 07 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khoa học nhân văn | | | | 08 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khác | | | | 09 | *Người* |  | |  |  |  |
| ***1.3. Chia theo trình độ chuyên môn*** | | | |  |  |  | |  |  |  |
| - Tiến sĩ | | | | 10 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Thạc sĩ | | | | 11 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Đại học | | | | 12 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khác | | | | 13 | *Người* |  | |  |  |  |
| ***1.4. Chia theo lĩnh vực hoạt động*** | | | |  |  |  | |  |  |  |
| - Quản lý nhà nước | | | | 14 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Nghiên cứu, giảng dạy | | | | 15 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Ứng dụng, dịch vụ,... | | | | 16 | *Người* |  | |  |  |  |
| ***1.5. Chia theo lĩnh vực ứng dụng*** | | | |  |  |  | |  |  |  |
| - Y tế | | | | 17 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Công nghiệp và các ngành kinh tế kỹ thuật | | | | 18 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Nông nghiệp | | | | 19 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Tài nguyên và môi trường | | | | 20 | *Người* |  | |  |  |  |
| - Khác | | | | 21 | *Người* |  | |  |  |  |
| **2. Số tổ chức tiến hành công việc bức xạ** | | | | 22 | *Tổ chức* |  | |  |  |  |
| **3. Số cá nhân tiến hành công việc bức xạ** | | | | 23 | *Người* |  | |  |  |  |
| **4. Số nhân viên bức xạ** | | | | 24 | *Người* |  | |  |  |  |
| *trong đó: Nữ* | | | | 25 | *Người* |  | |  |  |  |
| **5. Số thiết bị bức xạ** | | | | 26 | *Thiết bị* |  | |  |  |  |
| **6. Số nguồn phóng xạ** | | | | 27 | *Nguồn* |  | |  |  |  |
| **7. Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp** | | | | 28 | *Giấy phép* |  | |  |  |  |
| **Người lập biểu** *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Người kiểm tra biểu** *(ký, ghi rõ họ tên)* | | | | | *……, ngày……tháng……năm……* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | | | |

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU 10/KHCN-NLAT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

*- Người hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử* là những người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, các cơ sở tiến hành công việc bức xạ, bao gồm:

+ Người làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp hoặc liên quan đến lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

+ Người làm việc tại các tổ chức KH&CN trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

+ Người làm việc tại các đơn vị ứng dụng trực tiếp năng lượng nguyên tử hoặc tiến hành công việc bức xạ;

+ Giảng viên, nghiên cứu viên tại các khoa, bộ môn về năng lượng nguyên tử tại các trường đại học.

Lưu ý: Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức KH&CN trực tiếp trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được tính 100% nhân lực làm việc trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử; Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp khác chỉ tính những người tham gia trực tiếp vào các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

*- Tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ* là các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động theo quy định tại Điều 18 Luật năng lượng nguyên tử.

*- Nhân viên bức xạ* là người làm việc trực tiếp với bức xạ, được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và nắm vững quy định của pháp luật về an toàn bức xạ

*- Thiết bị bức xạ* là những thiết bị chuyên dụng cho hoạt động, ứng dụng bức xạ như thiết bị bức xạ có gắn nguồn phóng xạ hoặc thiết bị phát tia X, bảo đảm quy định tiêu chuẩn của pháp luật về an toàn bức xạ

*- Số nguồn phóng xạ* là số lượng nguồn phóng xạ đã được cấp giấy phép sử dụng trong một công việc bức xạ.

*- Giấy phép tiến hành công việc bức xạ được cấp* là giấy phép được cấp cho tổ chức, cá nhân có đầy đủ các điều kiện để tiến hành công việc bức xạ.

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1 ghi số lượng tương ứng với các dòng tại cột A;

- Cột 2-4: Ghi số lượng chia theo loại hình kinh tế gồm: Nhà nước; Ngoài nhà nước; Có vốn đầu tư nước ngoài.

\* Số người hoạt động trong lĩnh vực nguyên tử:

- Chia theo lĩnh vực KH&CN: Khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học y, dược; khoa học nhân văn; khác;

- Chia theo trình độ chuyên môn: Tiến sĩ; thạc sĩ; đại học và khác;

- Chia theo lĩnh vực hoạt động: Quản lý nhà nước; nghiên cứu, giảng dạy; ứng dụng, dịch vụ...;

- Chia theo lĩnh vực ứng dụng: Y tế; công nghiệp và các ngành kinh tế kỹ thuật; nông nghiệp; tài nguyên và môi trường; khác.

**3. Nguồn số liệu**

Hồ sơ quản lý của Cục Năng lượng nguyên tử; Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ KH&CN).

Số liệu thống kê do cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao được giao nhiệm vụ thống kê KH&CN; Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương tổng hợp./.